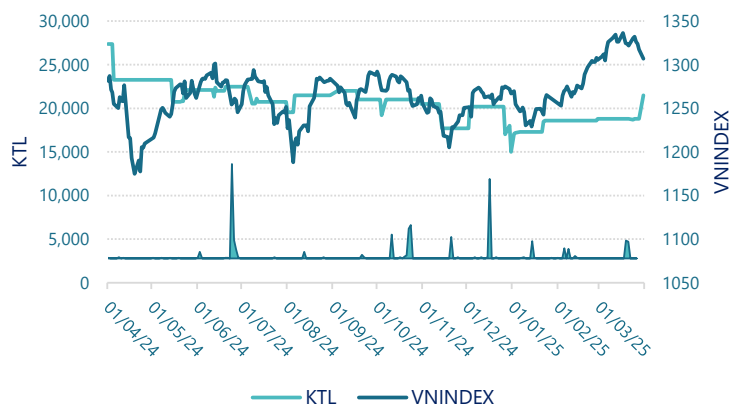


CTCP Kim khí Thăng Long (UPCOM: KTL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
SL cổ phiếu LH	19,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	413
P/E	8.2
EPS	2,628

DT thuần

Q1/25

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -13.3%

YoY: ▲ 12.0| 5.6%

LN sau thuế

Q1/25

2.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50| -16.0%

YoY: ▲ 8.55| 144%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

964

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 102| 11.8%

LN sau thuế

2024

41.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.9| 35.8%

ROE

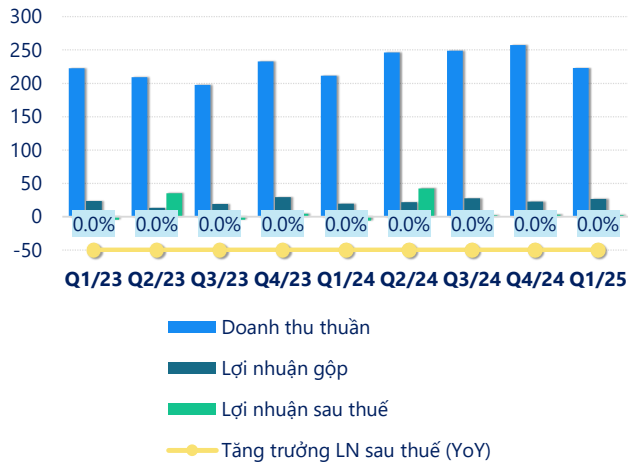
2024

10.2%

+/- YoY: ▲ 2.1%

tỷ VNĐ

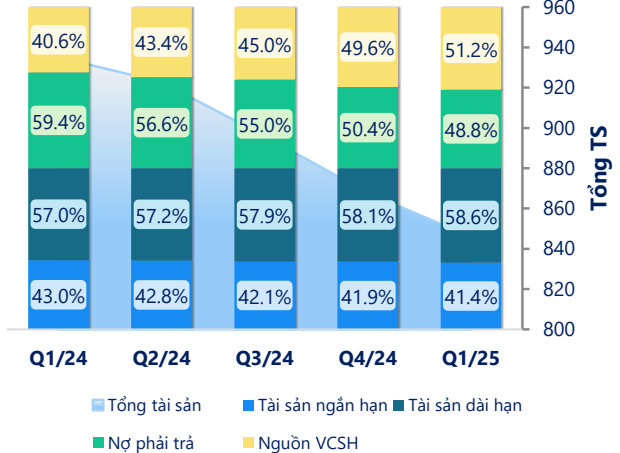
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

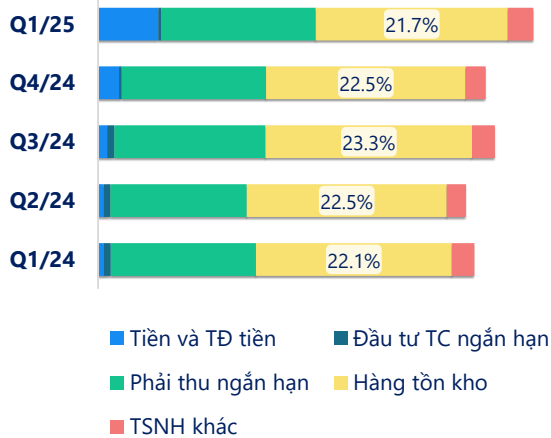
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



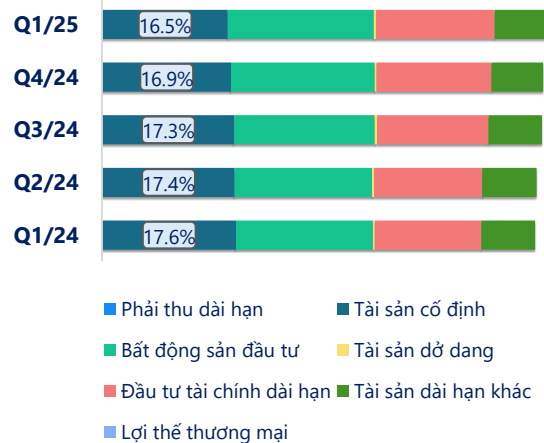
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

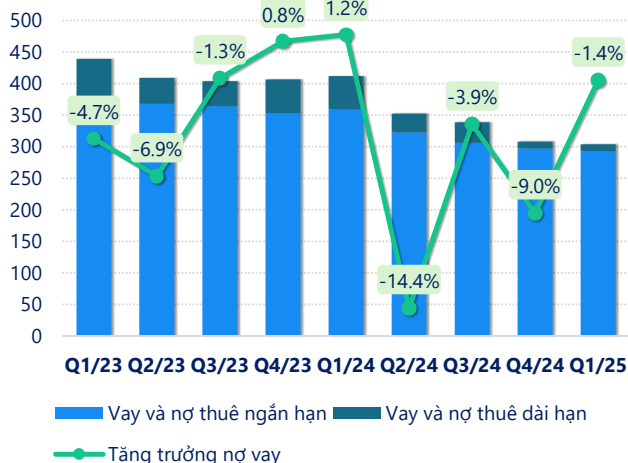
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

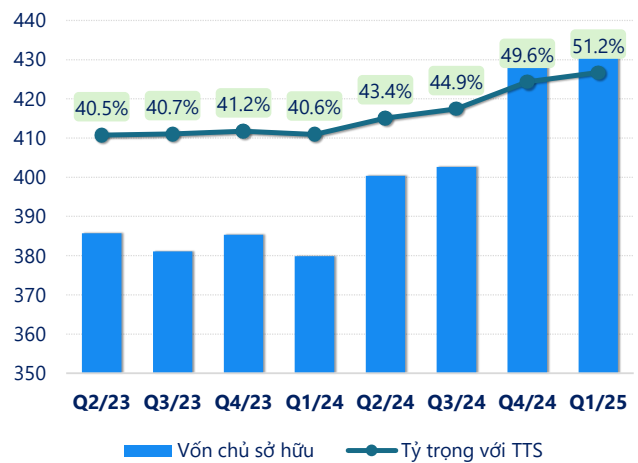
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

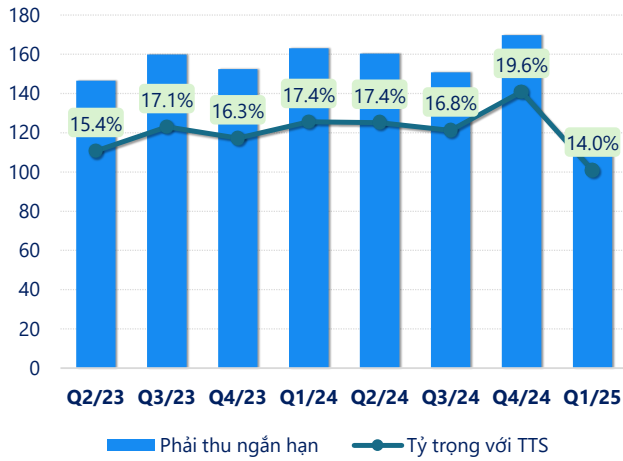
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



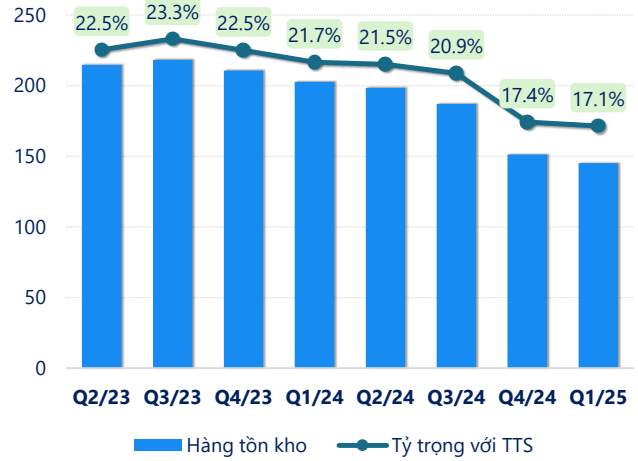
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


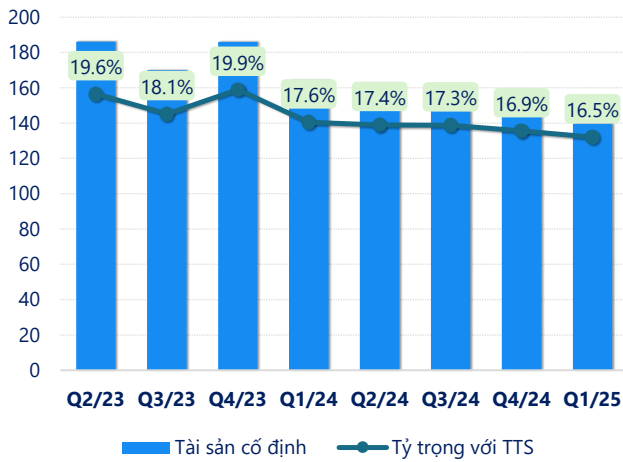
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


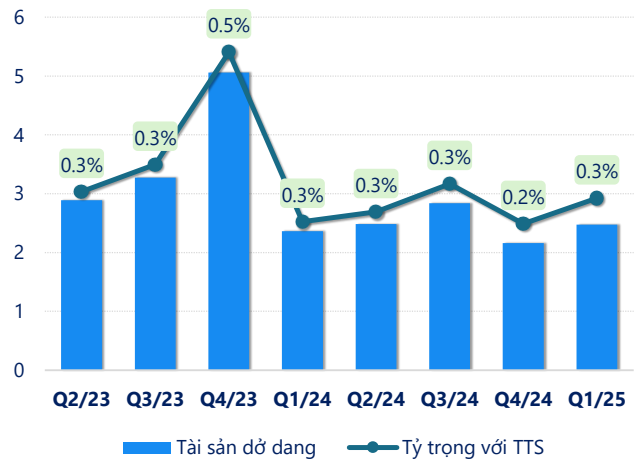
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

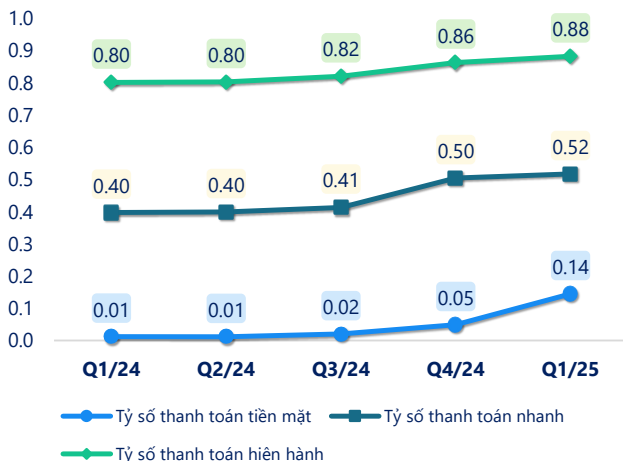
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

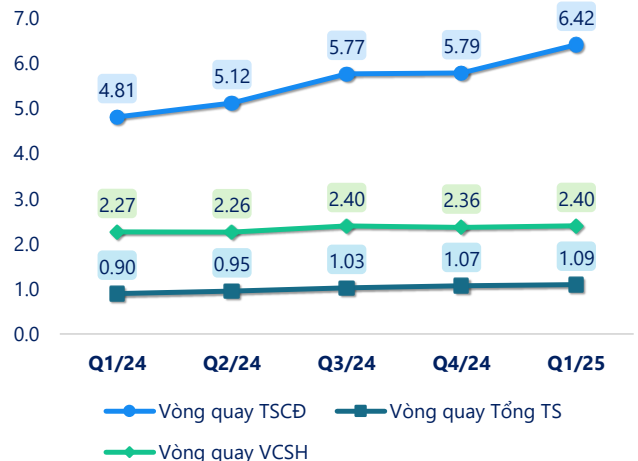
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	935	923	896	868	846
Tài sản ngắn hạn	402	395	377	364	350
Tiền và tương đương tiền	6.23	5.70	9.21	20.4	57.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.12	3.12	1.12	1.21	0.46
Phải thu ngắn hạn	163	160	151	170	118
Hàng tồn kho	203	198	187	151	145
Tài sản ngắn hạn khác	26.9	26.9	28.6	21.2	29.0
Tài sản dài hạn	533	528	519	504	496
Phải thu dài hạn	0.73	0.72	0.60	0.49	0.49
Tài sản cố định	164	160	155	147	140
Bất động sản đầu tư	169	167	166	164	163
Tài sản dở dang	2.36	2.48	2.84	2.16	2.47
Đầu tư tài chính dài hạn	131	131	131	131	132
Tài sản dài hạn khác	66.1	66.2	63.3	58.8	58.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	555	522	493	437	413
Nợ ngắn hạn	502	491	459	421	397
Vay và nợ thuê ngắn hạn	359	323	306	297	293
Phải trả người bán ngắn hạn	71.1	81.9	76.5	75.5	70.7
Nợ dài hạn	53.7	30.5	33.4	15.5	15.7
Vay và nợ thuê dài hạn	52.7	29.6	32.5	10.9	11.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	380	401	403	431	433
Vốn chủ sở hữu	380	400	403	430	433
Vốn điều lệ	192	192	192	192	192
Kinh phí và quỹ khác	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52

(Nguồn: fireant.vn)